

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bán án số: 188/2022/HNGĐ - ST

Ngày 26-10-2022

“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hồng Thảo; Ông Trần Ngọc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

Ngày 26 tháng 10 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 420/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về “*Yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo số: 435/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 6A3, đường N, khóm 7, phường ML, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Lý Hồng S, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số 357/30, đường T, khóm Đ, phường MP, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị L1 trình bày:

Năm 1989, bà Nguyễn Thị L1 và ông Lý Hồng S quen biết, tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Bà và ông S sống hạnh phúc đến 2001 thì phát sinh mâu thuẫn nên ông S bỏ đi và đã có cuộc sống gia đình riêng. Do đó, bà L1 yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông S là vợ chồng; Về quan hệ con chung: Có 03 con chung tên Lý Hồng T, sinh ngày 28/02/1990; Lý Hồng K, sinh ngày 13/4/1993; Lý Hồng N, sinh ngày 23/4/1998. Các con đã trưởng thành và có khả năng tự lập; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 07/10/2022, bị đơn Lý Hồng S trình bày: Ông thống nhất thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến hôn nhân với bà L1 vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2001, cả hai phát sinh mâu thuẫn nên không chung sống nữa. Hiện ông đã có cuộc sống gia đình riêng và đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L1; Về con chung: Thống nhất với bà L1 có 03 con chung nêu trên, hiện các con đã trưởng thành, có khả năng tự lập; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự tại bản tự khai, Tòa án nhận định:

Về thủ tục tố tụng

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung tranh chấp

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, mặc dù cả hai

người đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong hôn nhân giữa các bên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng, đồng thời xem xét quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn đối với con trong trường hợp các bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

[2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 03 con tên Lý Hồng T, sinh ngày 28/02/1990, Lý Hồng K, sinh ngày 13/4/1993 và Lý Hồng N, sinh ngày 23/4/1998. Các con đã trưởng thành và có khả năng tự lập nên không xét đến .

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 14; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị L1 đối với bị đơn Lý Hồng S.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L1 và ông Lý Hồng S là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông S và bà L1 có 03 con tên Lý Hồng T, sinh ngày 28/02/1990, Lý Hồng K, sinh ngày 13/4/1993 và Lý Hồng N, sinh ngày 23/4/1998. Các con đã trưởng thành và có khả năng tự lập.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị L1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000825 ngày 04/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

(Giải thích điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A dân sự Tp.L;
- VKSND Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- **UBND phường nơi các đương sự cư trú;**
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Quốc Nam